

Số: 06/BCTC/MPC23

Cà Mau, ngày 17 tháng 08 năm 2023

CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kính gửi: Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

Thực hiện quy định tại khoản 3, khoản 4 Điều 14 Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, Công ty Cổ Phần Tập Đoàn Thủy Sản Minh Phú thực hiện công bố thông tin báo cáo tài chính (BCTC) quý 1/2023 với Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội như sau:

1. Tên tổ chức:

- Mã chứng khoán: MPC
- Địa chỉ: Khu công nghiệp phường 8, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau
- Điện thoại liên hệ/Tel: (+84) 290-383-9391 Fax: (+84) 290-366-8795
- Email: minhphu@minhphu.com Website: <https://minhphu.com/>

2. Nội dung thông tin công bố

- BCTC công ty mẹ bán niên năm 2023

- BCTC riêng (TCNY không có công ty con và đơn vị kế toán cấp trên có đơn vị trực thuộc);
- BCTC hợp nhất (TCNY có công ty con);
- BCTC tổng hợp (TCNY có đơn vị kế toán trực thuộc tổ chức bộ máy kế toán riêng);

- Các trường hợp thuộc diện phải giải trình nguyên nhân:

+ Tổ chức kiểm toán đưa ra ý kiến không phải là ý kiến chấp nhận toàn phần đối với BCTC (đối với BCTC được kiểm toán năm 2022):

- Có Không

Vấn bản giải trình trong trường hợp tích có:

- Có Không

+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo có sự chênh lệch trước và sau kiểm toán từ 5% trở lên, chuyển từ lỗ sang lãi hoặc ngược lại (đối với BCTC được kiểm toán năm 2022):

- Có Không

Vấn bản giải trình trong trường hợp tích có:

- Có Không

+ Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại báo cáo kết quả kinh doanh của kỳ báo cáo thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước:

- Có Không

Vấn bản giải trình trong trường hợp tích có:

- Có Không

+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo bị lỗ, chuyển từ lãi ở báo cáo cùng kỳ năm trước sang lỗ ở kỳ này hoặc ngược lại:

Có

Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

Có

Không

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày: 01/08/2023 tại đường dẫn: minhphu@minhphu.com

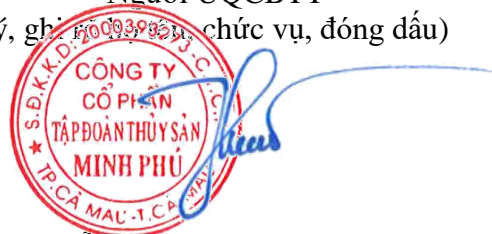
Tài liệu đính kèm:

- BCTC công ty mẹ bán niên năm 2023
- Văn bản giải trình biến động lợi nhuận công ty mẹ bán niên năm 2023 thay đổi 10% so với cùng kỳ.

Đại diện tổ chức

Người UQCBTT

(Ký, ghi họ tên, chức vụ, đóng dấu)



NGUYỄN THỊ NGỌC HƯƠNG



**Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản
Minh Phú**

**Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ
cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2023**



Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú
Thông tin về Công ty

Giấy Chứng nhận

Đăng ký Kinh doanh

6103000072
2000393273

ngày 12 tháng 5 năm 2006
ngày 23 tháng 6 năm 2010

Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh của Công ty số 6103000072 đã được điều chỉnh 2 lần và lần điều chỉnh gần nhất là Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 6103000072 ngày 12 tháng 11 năm 2007. Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh của Công ty số 6103000072 đã được thay thế bởi Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 2000393273 ngày 23 tháng 6 năm 2010. Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 2000393273 đã được điều chỉnh 6 lần và lần điều chỉnh gần nhất là Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 2000393273 ngày 7 tháng 7 năm 2022. Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh của Công ty và các bản điều chỉnh do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Cà Mau cấp.

Hội đồng Quản trị

Bà Chu Thị Bình
Ông Lê Văn Quang
Ông Lê Văn Điệp
Ông Phan Thanh Lộc
Bà Hồ Thu Lê
Ông Bùi Anh Dũng
Ông Nguyễn Nhân Nghĩa
Ông Sasaki Takahiro
Ông Hamaya Harutoshi

Chủ tịch
Thành viên
Thành viên
Thành viên
Thành viên
Thành viên
Thành viên
Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Lê Văn Quang
Bà Chu Thị Bình
Ông Thái Hoàng Hùng
Ông Lê Văn Điệp
Ông Bùi Anh Dũng
Ông Lê Ngọc Anh
Bà Lê Thị Dịu Minh
Ông Chu Hồng Hà
Ông Tsunoda Norihisa
Ông Trần Văn Thái

Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc

Ban Kiểm soát

Ông Trần Văn Khánh
Bà Nguyễn Thị Hồng Cúc
Bà Đỗ Thị Hạnh

Trưởng ban
Thành viên
Thành viên

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú
Thông tin về Công ty (tiếp theo)

Trụ sở đăng ký Khu Công nghiệp Phường 8
 Thành phố Cà Mau, Tỉnh Cà Mau
 Việt Nam

Công ty kiểm toán Công ty TNHH KPMG
 Việt Nam

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm của Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng giữa niên độ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ. Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc Công ty:

- (a) báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được trình bày từ trang 6 đến trang 49 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính trước hợp nhất của Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú tại ngày 30 tháng 6 năm 2023, kết quả hoạt động kinh doanh trước hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất của Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Tổng Giám đốc Công ty cho rằng Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Tổng Giám đốc Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm.



Thay mặt Ban Tổng Giám đốc

Lê Văn Điệp
Phó Tổng Giám đốc

Tỉnh Cà Mau, ngày 15 tháng 8 năm 2023



KPMG Limited Branch
10th Floor, Sun Wah Tower
115 Nguyen Hue Street, Ben Nghe Ward
District 1, Ho Chi Minh City, Vietnam
+84 (28) 3821 9266 | kpmg.com.vn

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi các Cổ đông
Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú**

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm của Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú ("Công ty"), bao gồm bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 30 tháng 6 năm 2023, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 15 tháng 8 năm 2023, được trình bày từ trang 6 đến trang 49.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về Hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - *Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện*.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.





Kết luận của kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm đã không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính trước hợp nhất của Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú tại ngày 30 tháng 6 năm 2023, kết quả hoạt động kinh doanh trước hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất của Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Chi nhánh Công ty TNHH KPMG tại Thành phố Hồ Chí Minh

Việt Nam

Báo cáo soát xét số: 23-01-00364-23-1



Nelson Rodriguez Casihan
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề
Kiểm toán số 2225-2023-007-1
Phó Tổng Giám đốc

Nguyễn Thị Thùy
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề
Kiểm toán số 3463-2022-007-1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 8 năm 2023

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú
Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 30 tháng 6 năm 2023

Mẫu B 01a – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/22/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2023 VND	1/1/2023 VND
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	100		5.373.624.666.904	5.485.602.685.130
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	118.428.976.552	637.929.538.722
Tiền	111		89.428.976.552	83.929.538.722
Các khoản tương đương tiền	112		29.000.000.000	554.000.000.000
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		18.226.036.394	3.226.036.394
Chứng khoán kinh doanh	121	5(a)	8.806.789.411	8.806.789.411
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122	5(a)	(5.580.753.017)	(5.580.753.017)
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	5(b)	15.000.000.000	-
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		2.841.852.262.470	2.695.341.170.778
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	2.700.312.027.364	2.589.531.853.035
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	7	29.486.107.724	48.146.031.359
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	8	88.000.000.000	26.000.000.000
Phải thu ngắn hạn khác	136	9	33.539.623.092	41.148.782.094
Dự phòng phải thu khó đòi	137	6(c)	(9.485.495.710)	(9.485.495.710)
Hàng tồn kho	140	10	2.366.883.339.281	2.126.740.364.256
Hàng tồn kho	141		2.403.401.462.183	2.162.229.098.990
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(36.518.122.902)	(35.488.734.734)
Tài sản ngắn hạn khác	150		28.234.052.207	22.365.574.980
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	14(a)	5.919.970.976	2.401.399.657
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152	17(b)	20.781.151.408	18.636.917.130
Thuế phải thu Nhà nước	153	17(c)	1.532.929.823	1.327.258.193

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú
Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 01a – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2023 VND	1/1/2023 VND
Tài sản dài hạn (200 = 220 + 240 + 250 + 260)	200		4.487.683.605.253	4.576.076.238.692
Tài sản cố định	220		224.475.070.905	238.792.259.173
Tài sản cố định hữu hình	221	11	206.810.322.053	220.901.285.265
Nguyên giá	222		606.170.660.987	602.674.348.882
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(399.360.338.934)	(381.773.063.617)
Tài sản cố định vô hình	227	12	17.664.748.852	17.890.973.908
Nguyên giá	228		34.766.546.130	34.236.546.130
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(17.101.797.278)	(16.345.572.222)
Tài sản dở dang dài hạn	240		94.180.037.374	86.480.505.863
Xây dựng cơ bản dở dang	242	13	94.180.037.374	86.480.505.863
Đầu tư tài chính dài hạn	250		4.135.400.251.493	4.214.919.191.997
Đầu tư vào công ty con	251	5(c)	5.244.027.785.620	5.113.672.015.620
Đầu tư vào các công ty liên kết	252	5(c)	3.900.000.000	3.900.000.000
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	5(c)	(1.127.527.534.127)	(917.652.823.623)
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	5(b)	15.000.000.000	15.000.000.000
Tài sản dài hạn khác	260		33.628.245.481	35.884.281.659
Chi phí trả trước dài hạn	261	14(b)	33.614.004.102	35.113.014.003
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	15	14.241.379	771.267.656
TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		9.861.308.272.157	10.061.678.923.822

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú
Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 01a – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2023 VND	1/1/2023 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310)	300		4.228.679.760.226	4.431.552.193.244
Nợ ngắn hạn	310		4.228.679.760.226	4.431.552.193.244
Phải trả người bán ngắn hạn	311	16	2.211.672.203.981	2.018.101.461.554
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		35.037.935.752	16.131.821.337
Thuế phải nộp Nhà nước	313	17(a)	912.571.842	36.395.709.947
Phải trả người lao động	314		5.299.546.540	47.016.384.123
Chi phí phải trả ngắn hạn	315		265.449.955	265.449.955
Phải trả ngắn hạn khác	319	18	168.082.898.176	178.376.308.923
Vay ngắn hạn	320	19	1.764.988.184.098	2.084.473.204.785
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	20	42.420.969.882	50.791.852.620
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		5.632.628.511.931	5.630.126.730.578
Vốn chủ sở hữu	410	21	5.632.628.511.931	5.630.126.730.578
Vốn cổ phần	411	22	3.998.873.000.000	3.998.873.000.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		292.399.641.421	292.399.641.421
Quỹ đầu tư phát triển	418	23	39.391.740.317	57.363.079.045
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		1.301.964.130.193	1.281.491.010.112
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		1.281.491.010.112	487.463.922.726
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này/năm nay	421b		20.473.120.081	794.027.087.386
TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		9.861.308.272.157	10.061.678.923.822

Ngày 15 tháng 8 năm 2023

Người lập



Lê Quang Huy
Kế toán tổng hợp

Người duyệt



Lưu Minh Trung
Kế toán trưởng




Lê Văn Điệp
Phó Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2023

Mẫu B 02a – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
			30/6/2023 VND	30/6/2022 VND
Doanh thu bán hàng	01	25	2.712.136.361.971	4.850.141.068.205
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	25	61.983.701.537	14.399.587.296
Doanh thu thuần về bán hàng (10 = 01 - 02)	10	25	2.650.152.660.434	4.835.741.480.909
Giá vốn hàng bán	11	26	2.378.952.057.226	4.192.021.127.285
Lợi nhuận gộp (20 = 10 - 11)	20		271.200.603.208	643.720.353.624
Doanh thu hoạt động tài chính	21	27	182.041.732.921	212.265.574.044
Chi phí tài chính	22	28	260.717.198.545	176.325.132.004
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		32.987.740.345	13.720.190.596
Chi phí bán hàng	25	29	126.454.162.250	280.369.119.446
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	30	45.760.985.164	80.766.075.280
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}	30		20.309.990.170	318.525.600.938
Thu nhập khác	31		1.032.962.439	661.829.219
Chi phí khác	32		112.806.251	10.802.007
Kết quả từ các hoạt động khác (40 = 31 - 32)	40		920.156.188	651.027.212
Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		21.230.146.358	319.176.628.150
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	32	-	9.794.316.068
Chi phí/(lợi ích) thuế TNDN hoãn lại	52	32	757.026.277	(3.930.704.476)
Lợi nhuận thuần sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)	60		20.473.120.081	313.313.016.558

Ngày 15 tháng 8 năm 2023

Người lập



Lê Quang Huy
Kế toán tổng hợp

Người duyệt

Lưu Minh Trung
Kế toán trưởng

Lê Văn Điệp
Phó Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2023 (Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B 03a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã Thuyết số minh	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
		30/6/2023 VND	30/6/2022 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
Lợi nhuận kế toán trước thuế	01	21.230.146.358	319.176.628.150
Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao và phân bổ	02	19.642.811.661	16.597.484.079
Các khoản dự phòng	03	210.904.098.672	151.558.339.400
(Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	(255.425.531)	7.654.762.870
Lãi từ thanh lý tài sản cố định	05	(37.465.833)	(100.658.522)
Thu nhập lãi tiền gửi và cổ tức	05	(158.953.681.993)	(202.313.426.600)
Chi phí lãi vay	06	32.987.740.345	13.720.190.596
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08	125.518.223.679	306.293.319.973
Biến động các khoản phải thu	09	(81.554.124.747)	(242.184.997.077)
Biến động hàng tồn kho	10	(241.172.363.193)	(852.077.917.466)
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11	187.125.654.833	614.307.111.340
Biến động chi phí trả trước	12	(769.561.418)	(1.383.642.520)
		(10.852.170.846)	(175.046.125.750)
Tiền lãi vay đã trả	14	(32.987.740.345)	(13.720.190.596)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(22.644.517.037)	-
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(8.370.882.738)	(8.687.571.349)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(74.855.310.966)	(197.453.887.695)

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2023 (Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)

Mẫu B 03a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã Thuyết số minh	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
		30/6/2023 VND	30/6/2022 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền chi mua tài sản cố định và xây dựng cơ bản dở dang	21	(45.477.242.415)	(75.403.818.284)
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định	22	1.295.000.000	112.377.272
Tiền chi gửi tiền gửi có kỳ hạn	23	(15.000.000.000)	(236.500.000.000)
Tiền chi cho vay	23	(66.500.000.000)	-
Tiền thu hồi cho vay	24	4.500.000.000	-
Tiền thu hồi tiền gửi có kỳ hạn	24	-	108.000.000.000
Tiền chi đầu tư vào công ty con	25	(122.035.770.000)	(339.360.100.000)
Tiền thu lãi tiền gửi và cổ tức	27	136.919.908.703	204.564.702.474
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(106.298.103.712)	(338.586.838.538)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Tiền chi mua lại cổ phiếu đã phát hành	32	-	(321.900.000)
Tiền thu từ đi vay	33	2.535.807.976.174	4.353.066.297.830
Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(2.857.116.806.199)	(3.583.558.571.826)
Tiền chi khác cho hoạt động tài chính	36	(17.971.338.728)	(16.049.767.234)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(339.280.168.753)	753.136.058.770
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20 + 30 + 40)	50	(520.433.583.431)	217.095.332.537
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ	60	637.929.538.722	137.253.411.069
Ảnh hưởng của quy đổi tỷ giá quy đổi ngoại tệ đối với tiền và các khoản tương đương tiền	61	933.021.261	(4.347.607.886)
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60 + 61)	70	118.428.976.552	350.001.135.720

Ngày 15 tháng 8 năm 2023

Người lập




Lê Quang Huy
Kế toán tổng hợp

Người duyệt



Lưu Minh Trung
Kế toán trưởng




Lê Văn Điệp
Phó Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2023

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

(a) Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú (“Công ty”) là công ty cổ phần được thành lập theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 2000393273 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Cà Mau cấp ngày 23 tháng 6 năm 2010.

Căn cứ theo Quyết định số 813/QĐ-SGDHN ngày 27 tháng 9 năm 2017, Công ty đã được Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội chấp thuận cho Công ty được đăng ký giao dịch cổ phiếu trên thị trường giao dịch chứng khoán cho công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCoM) với mã giao dịch là MPC.

(b) Hoạt động chính

Hoạt động chính của Công ty là chế biến và kinh doanh hàng thủy sản; kinh doanh giống thủy sản và thức ăn thủy sản; và kinh doanh máy móc và thiết bị phục vụ cho ngành thủy sản.

(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty nằm trong phạm vi 12 tháng.

(d) Cấu trúc Công ty

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2023, Công ty có 16 công ty con và 1 công ty liên kết (1/1/2023: 16 công ty con và 1 công ty liên kết) như được trình bày ở Thuyết minh 5(c).

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2023, Công ty có 6.341 nhân viên (1/1/2023: 6.892 nhân viên).

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ. Công ty cũng lập và phát hành báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ. Để có thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty, báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng được lập theo phương pháp gián tiếp.

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán và trình bày báo cáo tài chính

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính.

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này.

(a) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền tệ khác VND trong kỳ được quy đổi sang VND theo tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá mua bán chuyển khoản bình quân của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

(b) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(c) Các khoản đầu tư

(i) Chứng khoán kinh doanh

Chứng khoán kinh doanh là các loại chứng khoán được Công ty nắm giữ vì mục đích kinh doanh, tức là mua vào bán ra để thu lợi nhuận trong thời gian ngắn. Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua cộng các chi phí mua. Sau ghi nhận ban đầu, chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được lập khi có bằng chứng là giá thị trường của chứng khoán giảm xuống thấp hơn giá trị ghi sổ của chúng. Sau khi khoản dự phòng được lập, nếu giá thị trường của chứng khoán tăng lên thì khoản dự phòng sẽ được hoàn nhập. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của chứng khoán kinh doanh không vượt quá giá trị ghi sổ của các chứng khoán này khi giả định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(ii) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Tổng Giám đốc Công ty dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và đầu tư vào trái phiếu ngân hàng. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(iii) Đầu tư vào các công ty con và các công ty liên kết

Cho mục đích của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ dẫn đến Công ty có khả năng mất vốn, trừ khi có bằng chứng rằng giá trị của khoản đầu tư không bị suy giảm. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư này khi giả định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(iv) Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác

Đầu tư vào các công cụ vốn chủ sở hữu của các đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ dẫn đến Công ty có khả năng mất vốn, trừ khi có bằng chứng rằng giá trị của khoản đầu tư không bị suy giảm. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giả định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(d) Các khoản phải thu

Phải thu khách hàng và phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(e) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá trị thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và chi phí sản xuất kinh doanh dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của sản phẩm tồn kho, trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính để bán sản phẩm.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

(f) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không được hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu thường được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong kỳ mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được do việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa	2 – 25 năm
▪ máy móc và thiết bị	2 – 12 năm
▪ phương tiện vận chuyển	5 – 11 năm
▪ thiết bị văn phòng	2 – 12 năm

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(g) Tài sản cố định vô hình

(i) Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất được thể hiện theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp tới việc có được quyền sử dụng đất. Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng trong vòng 43 năm đến 59 năm.

(ii) Phần mềm máy vi tính

Giá mua phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hoá và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 5 năm đến 10 năm.

(h) Xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí xây dựng hoặc triển khai tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình chưa hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong và chi phí phát sinh liên quan đến việc nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng, lắp đặt và nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất.

(i) Chi phí trả trước dài hạn

(i) Chi phí đất trả trước

Chi phí đất trả trước bao gồm tiền thuê đất trả trước, kể cả các khoản liên quan đến đất thuê mà Công ty đã nhận được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng không đủ điều kiện ghi nhận tài sản cố định vô hình theo các quy định pháp luật hiện hành, và các chi phí phát sinh khác liên quan đến việc bảo đảm cho việc sử dụng đất thuê. Các chi phí này được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê đất là 48 năm.

(ii) Công cụ và dụng cụ

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 năm đến 3 năm.

(j) Phải trả người bán và phải trả khác

Phải trả người bán và phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(k) Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

(l) Vốn cổ phần

(i) Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo mệnh giá.

(ii) Thặng dư vốn cổ phần

Phần chênh lệch giữa giá phát hành cổ phiếu và mệnh giá cổ phiếu được ghi nhận vào thặng dư vốn cổ phần. Các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế, được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

(m) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những kỳ trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để chênh lệch tạm thời này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(n) Doanh thu và thu nhập khác

(i) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu bán hàng được ghi nhận theo số thuần sau khi đã trừ đi số chiết khấu giảm giá ghi trên hóa đơn bán hàng.

(ii) Thu nhập lãi tiền gửi

Thu nhập lãi tiền gửi được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

(iii) Thu nhập từ cổ tức

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi quyền nhận cổ tức được xác lập. Cổ tức bằng cổ phiếu không được ghi nhận là doanh thu hoạt động tài chính. Cổ tức nhận được liên quan đến giai đoạn trước khi mua khoản đầu tư được ghi giảm vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư.

(o) Thuê tài sản

(i) Tài sản thuê

Các tài sản thuê theo các hợp đồng thuê trong đó Công ty, với tư cách là bên đi thuê, không nhận phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuê, được phân loại là thuê hoạt động và không được ghi nhận trên bảng cân đối kế toán của Công ty.

(ii) Các khoản thanh toán tiền thuê

Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê, trong suốt thời hạn thuê.

(p) Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận là chi phí trong kỳ khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí đi vay thì khi đó chi phí đi vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(q) Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

(r) Thông tin so sánh

Thông tin so sánh trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này được trình bày dưới dạng dữ liệu tương ứng. Theo phương pháp này, các thông tin so sánh của kỳ trước/năm trước được trình bày như một phần không thể tách rời của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kỳ hiện tại và phải được xem xét trong mối liên hệ với các số liệu và thuyết minh của kỳ hiện tại. Theo đó, thông tin so sánh trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này không nhằm mục đích trình bày về tình hình tài chính trước hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh trước hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất của Công ty trong kỳ trước/năm trước.

4. Tiền và các khoản tương đương tiền

	30/6/2023	1/1/2023
	VND	VND
Tiền mặt	291.055.010	4.708.011.707
Tiền gửi ngân hàng	89.137.921.542	79.221.527.015
Các khoản tương đương tiền	29.000.000.000	554.000.000.000
	<hr/>	<hr/>
	118.428.976.552	637.929.538.722

Các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng với thời gian đáo hạn gốc không quá ba tháng kể từ ngày gửi.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2023, không có tiền gửi có kỳ hạn được thế chấp tại các ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Công ty (1/1/2023: 320.000 triệu VND) (Thuyết minh 19).

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

5. Các khoản đầu tư tài chính

(a) Chứng khoán kinh doanh

	30/6/2023				1/1/2023			
	Số lượng	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng giảm giá VND	Số lượng	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng giảm giá VND
Đầu tư ngắn hạn vào cổ phiếu:								
▪ Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Việt Nam	18	180.000	396.000	-	18	180.000	345.600	-
▪ Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Số 8	112.000	5.263.000.000	1.120.000.000	(4.143.000.000)	112.000	5.263.000.000	1.120.000.000	(4.143.000.000)
▪ Công ty Cổ phần Cơ Điện Lạnh	19	80.000	1.358.500	-	19	80.000	1.637.800	-
▪ Công ty Cổ phần Công nghệ Mới Kim Tụ Tháp Việt Nam	18.823	272.941.176	188.230.000	-	18.823	272.941.176	272.941.176	-
▪ Công ty Cổ phần Phân lân Nung chảy Văn Điển	163.646	3.270.588.235	1.751.012.200	(1.437.753.017)	163.646	3.270.588.235	1.832.835.218	(1.437.753.017)
		8.806.789.411	3.060.996.700	(5.580.753.017)		8.806.789.411	3.227.759.794	(5.580.753.017)



Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(b) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	30/6/2023	1/1/2023
	VND	VND
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn		
Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (i)	15.000.000.000	-
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – dài hạn		
Trái phiếu		
▪ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam (ii)	10.000.000.000	10.000.000.000
▪ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam (iii)	5.000.000.000	5.000.000.000
	15.000.000.000	15.000.000.000

- (i) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn phản ánh tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn với thời gian đáo hạn gốc trên 3 tháng và thời gian đáo hạn còn lại không quá 12 tháng kể từ ngày kết thúc kỳ kế toán và hưởng lãi suất năm là 8,00% (1/1/2023: Không).
- (ii) Số dư này phản ánh khoản đầu tư vào trái phiếu không chuyển đổi do Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam phát hành lần lượt ngày 31 tháng 7 năm 2020 và ngày 18 tháng 11 năm 2021. Các trái phiếu này đến hạn hoàn trả lần lượt vào ngày 30 tháng 7 năm 2030 và ngày 18 tháng 11 năm 2031 và hưởng lãi suất năm dao động từ 7,00% đến 8,03% (1/1/2023: từ 7,00% đến 8,03%).
- (iii) Số dư này phản ánh khoản đầu tư vào trái phiếu không chuyển đổi do Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam phát hành ngày 31 tháng 10 năm 2018. Trái phiếu này đến hạn hoàn trả vào ngày 31 tháng 10 năm 2024 và hưởng lãi suất năm dao động từ 6,52% đến 7,54% (1/1/2023: từ 6,52% đến 7,54%).

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(c) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2023

Đầu tư góp vốn vào:

Các công ty con

- Mseafood Corporation
- Công ty Cổ phần Thủy sản Minh Phú Hậu Giang
- Công ty TNHH Chế biến Thủy sản Minh Phú (i)
- Công ty TNHH Chế biến Thủy sản Minh Phú (i)
- Công ty TNHH Thủy hải sản Minh Phú – Kiên Giang (i)
- Công ty TNHH Sản xuất giống Thủy sản Minh Phú
- Công ty TNHH Nuôi trồng Thủy sản Minh Phú – Lộc An (i)
- Công ty TNHH Sản xuất Chế phẩm Sinh học Minh Phú (iii)
- Công ty TNHH MTV Chuối cung ứng Thủy sản Minh Phú
- Ebisumo Logistic Co., Ltd.
- Công ty TNHH Thực phẩm xanh Minh Phú (i)
- Công ty TNHH Nông nghiệp Công nghệ cao Minh Phú (i)
- Công ty TNHH Xuất khẩu Thủy sản Minh Phú
- Công ty Cổ phần Công nghệ Otanics (i)
- Công ty TNHH Thực ăn Tôm xanh Minh Phú (ii)
- Công ty TNHH Xã hội Chuối Tôm Rừng Minh Phú (iv)

Địa chỉ	% quyền biểu quyết	% lợi ích kinh tế	Giá gốc VND	Dự phòng giảm giá VND	Giá trị hợp lý VND
Tiểu bang California, Hoa Kỳ	90,00%	90,00%	323.162.400.000	-	(v)
Tỉnh Hậu Giang, Việt Nam	98,27%	98,27%	1.784.399.634.231	-	(v)
Tỉnh Cà Mau, Việt Nam	97,50%	97,50%	195.000.000.000	-	(v)
Tỉnh Cà Mau, Việt Nam	99,17%	99,17%	278.750.601.469	-	(v)
Tỉnh Kiên Giang, Việt Nam	99,89%	99,89%	1.027.423.813.801	(420.709.127.216)	(v)
Tỉnh Ninh Thuận, Việt Nam	99,78%	99,78%	222.900.000.000	(122.232.638.606)	(v)
Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, Việt Nam	100,00%	100,00%	1.020.000.000.000	(574.041.602.793)	(v)
Tỉnh Cà Mau, Việt Nam	100,00%	100,00%	10.000.000.000	(2.150.978.933)	(v)
Tỉnh Hậu Giang, Việt Nam	100,00%	100,00%	20.000.000.000	-	(v)
Thành phố Tokyo, Nhật Bản	100,00%	100,00%	11.099.000.000	-	(v)
Tỉnh Hậu Giang, Việt Nam	100,00%	100,00%	33.041.336.119	(2.611.242.349)	(v)
Tỉnh Kiên Giang, Việt Nam	100,00%	100,00%	212.200.000.000	(4.736.036.613)	(v)
Tỉnh Cà Mau, Việt Nam	100,00%	100,00%	2.000.000.000	(1.045.907.617)	(v)
Tỉnh Cà Mau, Việt Nam	51,00%	51,00%	51.000.000	-	(v)
Tỉnh Hậu Giang, Việt Nam	99,95%	99,09%	100.000.000.000	-	(v)
Tỉnh Cà Mau, Việt Nam	100,00%	100,00%	4.000.000.000	-	(v)
			5.244.027.785.620	(1.127.527.534.127)	

Công ty liên kết

- Công ty TNHH Dịch vụ Kỹ thuật Nuôi trồng Thủy sản Minh Phú Aquamekong

Thành phố Hồ Chí Minh,
Việt Nam

49,00% 49,00% 3.900.000.000 (v)

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Ngày 1 tháng 1 năm 2023							
	Địa chỉ	% quyền biểu quyết	% lợi ích kinh tế	Giá gốc VND	Dự phòng giảm giá VND	Giá trị hợp lý VND	
Đầu tư góp vốn vào:							
Công ty con							
▪ Mseafood Corporation	Tiểu bang California, Hoa Kỳ	90,00%	90,00%	323.162.400.000	-	(v)	
▪ Công ty Cổ phần Thủy sản Minh Phú Hậu Giang	Tỉnh Hậu Giang, Việt Nam	98,27%	98,27%	1.784.399.634.231	-	(v)	
▪ Công ty TNHH Chế biến Thủy sản Minh Quý (i)	Tỉnh Cà Mau, Việt Nam	97,50%	97,50%	195.000.000.000	-	(v)	
▪ Công ty TNHH Chế biến Thủy sản Minh Phát (i)	Tỉnh Cà Mau, Việt Nam	99,17%	99,17%	269.350.601.469	-	(v)	
▪ Công ty TNHH Thủy hải sản Minh Phú – Kiên Giang (i)	Tỉnh Kiên Giang, Việt Nam	99,89%	99,89%	952.850.043.801	(385.473.941.272)	(v)	
▪ Công ty TNHH Sản xuất giống Thủy sản Minh Phú (i)	Tỉnh Ninh Thuận, Việt Nam	99,78%	99,78%	199.550.000.000	(93.530.333.045)	(v)	
▪ Công ty TNHH Nuôi trồng Thủy sản Minh Phú – Lộc An	Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, Việt Nam	100,00%	100,00%	1.020.000.000.000	(428.104.383.794)	(v)	
▪ Công ty TNHH Sản xuất Chế phẩm Sinh học Minh Phú (i)	Tỉnh Cà Mau, Việt Nam	92,59%	92,27%	7.168.000.000	(2.150.978.933)	(v)	
▪ Công ty TNHH MTV Chuối cung ứng Thủy sản Minh Phú	Tỉnh Hậu Giang, Việt Nam	100,00%	100,00%	20.000.000.000	-	(v)	
▪ Ebisumo Logistic Co., Ltd.	Thành phố Tokyo, Nhật Bản	100,00%	100,00%	7.599.000.000	-	(v)	
▪ Công ty TNHH Thực phẩm xanh Minh Phú (i)	Tỉnh Hậu Giang, Việt Nam	100,00%	100,00%	33.041.336.119	(2.611.242.349)	(v)	
▪ Công ty TNHH Nông nghiệp Công nghệ cao Minh Phú (i)	Tỉnh Kiên Giang, Việt Nam	100,00%	100,00%	197.000.000.000	(4.736.036.613)	(v)	
▪ Công ty TNHH Xuất khẩu Thủy sản Minh Phú	Tỉnh Cà Mau, Việt Nam	100,00%	100,00%	2.000.000.000	(1.045.907.617)	(v)	
▪ Công ty Cổ phần Công nghệ Otanics (i)	Tỉnh Cà Mau, Việt Nam	51,00%	51,00%	51.000.000	-	(v)	
▪ Công ty TNHH Thức ăn Tôm xanh Minh Phú (ii)	Tỉnh Hậu Giang, Việt Nam	99,95%	99,09%	100.000.000.000	-	(v)	
▪ Công ty TNHH Xã hội Chuối Tôm rừng Minh Phú (i)	Tỉnh Cà Mau, Việt Nam	79,80%	45,43%	2.500.000.000	-	(v)	
				5.113.672.015.620	(917.652.823.623)		
Công ty liên kết							
▪ Công ty TNHH Dịch vụ Kỹ thuật Nuôi trồng Thủy sản Minh Phú Aquamekong	Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	49,00%	49,00%	3.900.000.000	-	(v)	



Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Mseafood Corporation được đăng ký thành lập ở Tiểu bang California, Hợp chủng quốc Hoa Kỳ. Ebisumo Logistic Co., Ltd. được đăng ký thành lập tại Nhật Bản. Tất cả các công ty con còn lại được đăng ký thành lập tại Việt Nam.

Tỷ lệ lợi ích kinh tế thể hiện lợi ích kinh tế thực của Công ty trong các công ty con bao gồm sở hữu trực tiếp và gián tiếp.

- (i) Tại ngày báo cáo, Công ty chưa góp đủ vốn vào các công ty con này.
- (ii) Công ty nắm giữ trực tiếp 50% lợi ích tại Công ty TNHH Thức ăn Tôm xanh Minh Phú và nắm giữ gián tiếp 49,95% lợi ích tại công ty này thông qua công ty con là Công ty Cổ phần Thủy sản Minh Phú Hậu Giang (“Minh Phú Hậu Giang”).
- (iii) Trong kỳ, Minh Phú Hậu Giang, một công ty con của Công ty, đã chuyển nhượng 18,52% lợi ích trong Công ty TNHH Sản xuất Chế phẩm Sinh học Minh Phú (“Minh Phú Bio”) cho Công ty. Ngoài ra, Minh Phú Bio cũng đã giảm vốn điều lệ xuống còn 10.000 triệu đồng. Do đó, Công ty trực tiếp sở hữu 100% lợi ích trong Minh Phú Bio tại ngày 30 tháng 6 năm 2023 (1/1/2023: Công ty nắm giữ trực tiếp 74,07% lợi ích tại Minh Phú Bio và nắm giữ gián tiếp 18,52% lợi ích tại công ty này thông qua Minh Phú Hậu Giang).
- (iv) Trong kỳ, Công ty TNHH Chuỗi Cung ứng Thủy sản Minh Phú (“Minh Phú Supply Chain”), một công ty con của Công ty, đã chuyển nhượng 15,15% lợi ích trong Công ty TNHH Xã hội Chuỗi Tôm Rừng Minh Phú (“Minh Phú Mangrove Shrimp”) cho Công ty. Ngoài ra, Minh Phú Mangrove Shrimp đã giảm vốn điều lệ xuống còn 4.000 triệu đồng. Do đó, Công ty trực tiếp sở hữu 100% lợi ích trong Minh Phú Mangrove Shrimp tại ngày 30 tháng 6 năm 2023 (1/1/2023: Công ty nắm giữ trực tiếp 25,25% lợi ích tại Minh Phú Mangrove Shrimp và nắm giữ gián tiếp 15,15% lợi ích tại công ty này thông qua Minh Phú Supply Chain).
- (v) Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này để trình bày trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ do không có thông tin về giá thị trường của các khoản đầu tư này và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách xác định giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

Biến động của đầu tư vào các công ty con trong kỳ như sau:

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2023	30/6/2022
	VND	VND
Số dư đầu kỳ	5.113.672.015.620	4.144.472.434.618
Góp vốn vào các công ty con trong kỳ	130.355.770.000	751.371.856.712
Số dư cuối kỳ	5.244.027.785.620	4.895.844.291.330

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Không có biến động của đầu tư vào các công ty liên kết trong kỳ.

Biến động của dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn trong kỳ như sau:

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2023	30/6/2022
	VND	VND
Số dư đầu kỳ	917.652.823.623	657.727.412.702
Tăng trong kỳ	209.874.710.504	110.150.163.746
Số dư cuối kỳ	<u>1.127.527.534.127</u>	<u>767.877.576.448</u>

6. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

(a) Phải thu của khách hàng chi tiết theo các khách hàng lớn

	30/6/2023	1/1/2023
	VND	VND
▪ Công ty Cổ phần Thủy sản Minh Phú Hậu Giang	2.203.837.771.296	2.055.450.100.039
▪ Mseafood Corporation	148.650.638.036	109.322.354.042
▪ Ebisumo Logistic Co., Ltd.	64.470.180.867	57.851.529.910
▪ Các khách hàng khác	283.353.437.165	366.907.869.044
	<u>2.700.312.027.364</u>	<u>2.589.531.853.035</u>

(b) Phải thu của khách hàng là các bên liên quan

	30/6/2023	1/1/2023
	VND	VND
Các công ty con		
▪ Công ty Cổ phần Thủy sản Minh Phú Hậu Giang	2.203.837.771.296	2.055.450.100.039
▪ Mseafood Corporation	148.650.638.036	109.322.354.042
▪ Ebisumo Logistic Co., Ltd.	64.470.180.867	57.851.529.910
▪ Công ty TNHH Thực phẩm xanh Minh Phú	2.198.087.969	-
▪ Công ty TNHH Xuất khẩu Thủy sản Minh Phú	44.000.000	-

Khoản phải thu thương mại từ các công ty con không có đảm bảo, không hưởng lãi và phải thu trong vòng 15 đến 180 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

Tất cả phải thu ngắn hạn của khách hàng tại ngày 30 tháng 6 năm 2023 và ngày 1 tháng 1 năm 2023 được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Công ty (Thuyết minh 19).

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(c) Dự phòng phải thu khó đòi

	Số ngày quá hạn	30/6/2023 và 1/1/2023		Dự phòng VND
		Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	
Nợ quá hạn				
H.T. Foods Pvt Ltd.	Dưới 2 năm	9.485.495.710	-	(9.485.495.710)

Biến động của dự phòng phải thu khó đòi trong kỳ như sau:

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2023 VND	30/6/2022 VND
Số dư đầu kỳ	9.485.495.710	-
Tăng trong kỳ	-	32.603.396.990
Số dư cuối kỳ	9.485.495.710	32.603.396.990

7. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	30/6/2023 VND	1/1/2023 VND
Công ty con		
▪ Công ty Cổ phần Công nghệ Otanics	10.060.000.000	10.060.000.000
Các bên thứ ba		
▪ Công ty TNHH MTV Thương mại và Xây dựng Tuệ Phương Linh	312.981.478	6.057.937.112
▪ Công ty TNHH MTV XNK TS Thiên Mã Quỳnh	-	6.568.267.829
▪ Các nhà cung cấp khác	19.113.126.246	25.459.826.418
	29.486.107.724	48.146.031.359

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

8. Phải thu về cho vay ngắn hạn

Điều khoản và điều kiện của các khoản phải thu về cho vay ngắn hạn bằng VND và không có đảm bảo như sau:

	Lãi suất năm	30/6/2023 VND	1/1/2023 VND
Công ty con			
▪ Công ty TNHH Nuôi trồng Thủy sản Minh Phú – Lộc An	6,0%	88.000.000.000	26.000.000.000

Biến động của phải thu về cho vay ngắn hạn trong kỳ như sau:

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2023 VND	30/6/2022 VND
Số dư đầu kỳ	26.000.000.000	192.000.000.000
Tăng trong kỳ	66.500.000.000	-
Chuyển đổi thành góp vốn	-	(192.000.000.000)
Thu hồi	(4.500.000.000)	-
Số dư cuối kỳ	88.000.000.000	-

9. Phải thu ngắn hạn khác

	30/6/2023 VND	1/1/2023 VND
Cổ tức phải thu	27.466.223.536	29.681.010.137
Đặt cọc ngắn hạn	1.450.000.000	1.450.000.000
Chi hộ	1.438.136.218	1.234.641.628
Phải thu lãi tiền gửi ngân hàng và cho vay	938.104.109	2.639.753.424
Tạm ứng cho nhân viên	872.147.037	1.598.993.637
Phải thu khác	1.375.012.192	4.544.383.268
	33.539.623.092	41.148.782.094

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Phải thu ngắn hạn khác từ các bên liên quan

	30/6/2023	1/1/2023
	VND	VND
Các công ty con		
▪ Công ty TNHH Thủy sản Minh Quý	12.239.067.665	-
▪ Công ty TNHH Thủy sản Minh Phát	9.996.354.940	-
▪ Công ty TNHH MTV Chuỗi cung ứng Thủy sản Minh Phú	2.940.917.841	27.391.127.047
▪ Công ty TNHH Xuất khẩu Thủy sản Minh Phú	2.289.883.090	2.289.883.090
▪ Công ty TNHH Nuôi trồng Thủy sản Minh Phú – Lộc An	-	26.136.986

Khoản phải thu khác từ các công ty con không có đảm bảo, không hưởng lãi và có thể thu được khi yêu cầu.

10. Hàng tồn kho

	30/6/2023		1/1/2023	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên vật liệu	53.180.186.086	(808.038.358)	48.032.900.096	(788.365.512)
Công cụ và dụng cụ	1.533.693.034	(23.303.469)	2.006.764.443	(32.937.088)
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	58.114.067.422	(883.005.478)	14.183.802.616	(232.799.202)
Thành phẩm	2.290.573.515.641	(34.803.775.597)	2.098.005.631.835	(34.434.632.932)
	2.403.401.462.183	(36.518.122.902)	2.162.229.098.990	(35.488.734.734)

Biến động dự phòng giảm giá hàng tồn kho trong kỳ như sau:

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2023	30/6/2022
	VND	VND
Số dư đầu kỳ	35.488.734.734	21.738.007.718
Tăng trong kỳ	1.029.388.168	8.804.778.664
Số dư cuối kỳ	36.518.122.902	30.542.786.382

Tất cả hàng tồn kho tại ngày 30 tháng 6 năm 2023 và ngày 1 tháng 1 năm 2023 được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Công ty (Thuyết minh 19).

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

11. Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá	Nhà cửa VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Thiết bị văn phòng VND	Tổng VND
Số dư đầu kỳ	174.476.727.736	317.522.895.836	90.605.249.620	20.069.475.690	602.674.348.882
Tăng trong kỳ	-	2.833.000.000	3.220.157.560	-	6.053.157.560
Thanh lý	-	(100.000.000)	(2.456.845.455)	-	(2.556.845.455)
Số dư cuối kỳ	174.476.727.736	320.255.895.836	91.368.561.725	20.069.475.690	606.170.660.987
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu kỳ	91.876.417.276	230.038.913.580	45.252.853.192	14.604.879.569	381.773.063.617
Khấu hao trong kỳ	4.812.234.445	9.450.325.133	3.990.583.164	633.443.863	18.886.586.605
Thanh lý	-	(100.000.000)	(1.199.311.288)	-	(1.299.311.288)
Số dư cuối kỳ	96.688.651.721	239.389.238.713	48.044.125.068	15.238.323.432	399.360.338.934
Giá trị còn lại					
Số dư đầu kỳ	82.600.310.460	87.483.982.256	45.352.396.428	5.464.596.121	220.901.285.265
Số dư cuối kỳ	77.788.076.015	80.866.657.123	43.324.436.657	4.831.152.258	206.810.322.053

Trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 30 tháng 6 năm 2023 có các tài sản với nguyên giá 208.994 triệu VND (1/1/2023: 202.837 triệu VND) đã khấu hao hết, nhưng vẫn đang được sử dụng.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2023, tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại là 24.938 triệu VND (1/1/2023: 29.041 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Công ty (Thuyết minh 19).



Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

12. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy vi tính VND	Tổng VND
Nguyên giá			
Số dư đầu kỳ	14.464.359.012	19.772.187.118	34.236.546.130
Tăng trong kỳ	-	530.000.000	530.000.000
Số dư cuối kỳ	14.464.359.012	20.302.187.118	34.766.546.130
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu kỳ	5.443.467.314	10.902.104.908	16.345.572.222
Khấu hao trong kỳ	92.770.673	663.454.383	756.225.056
Số dư cuối kỳ	5.536.237.987	11.565.559.291	17.101.797.278
Giá trị còn lại			
Số dư đầu kỳ	9.020.891.698	8.870.082.210	17.890.973.908
Số dư cuối kỳ	8.928.121.025	8.736.627.827	17.664.748.852

Trong tài sản cố định vô hình tại ngày 30 tháng 6 năm 2023 có các tài sản với nguyên giá là 4.435 triệu VND (1/1/2023: 4.435 triệu VND) đã khấu hao hết, nhưng vẫn đang được sử dụng.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2023, tài sản cố định vô hình có giá trị còn lại là 1.704 triệu VND (1/1/2023: 1.736 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Công ty (Thuyết minh 19).

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

13. Xây dựng cơ bản dở dang

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2023	30/6/2022
	VND	VND
Số dư đầu kỳ	86.480.505.863	52.864.519.846
Tăng trong kỳ	8.949.531.511	34.183.938.619
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	-	(8.660.985.454)
Chuyển sang chi phí trả trước dài hạn	(1.250.000.000)	-
Số dư cuối kỳ	94.180.037.374	78.387.473.011

Các công trình xây dựng cơ bản dở dang lớn tại ngày kết thúc kỳ kế toán như sau:

	30/6/2023	1/1/2023
	VND	VND
Dự án nhà máy Khánh An	64.253.855.420	62.657.843.000
Nhà ở tập thể cho công nhân	18.254.681.954	11.476.162.863
Quyền sử dụng đất	11.671.500.000	11.671.500.000
Phần mềm máy vi tính	-	675.000.000
Số dư cuối kỳ	94.180.037.374	86.480.505.863

14. Chi phí trả trước

(a) Chi phí trả trước ngắn hạn

	30/6/2023	1/1/2023
	VND	VND
Công cụ và dụng cụ	5.919.970.976	2.401.399.657

(b) Chi phí trả trước dài hạn

	Chi phí đất	Công cụ	Tổng
	trả trước	và dụng cụ	VND
	VND	VND	VND
Số dư đầu kỳ	21.464.828.790	13.648.185.213	35.113.014.003
Tăng trong kỳ	-	2.102.905.988	2.102.905.988
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	-	1.250.000.000	1.250.000.000
Phân bổ trong kỳ	(230.391.722)	(4.621.524.167)	(4.851.915.889)
Số dư cuối kỳ	21.234.437.068	12.379.567.034	33.614.004.102

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

15. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

	30/6/2023 VND	1/1/2023 VND
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại:		
Dự phòng phải thu khó đòi	14.241.379	460.115.696
Lỗi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại	-	311.151.960
	14.241.379	771.267.656

16. Phải trả người bán ngắn hạn

(a) Phải trả người bán chi tiết theo các nhà cung cấp lớn

	30/6/2023 VND	1/1/2023 VND
▪ Công ty Cổ phần Thủy sản Minh Phú Hậu Giang	2.105.963.163.363	1.909.330.148.517
▪ Các nhà cung cấp khác	105.709.040.618	108.771.313.037
	2.211.672.203.981	2.018.101.461.554
Số có khả năng trả nợ	2.211.672.203.981	2.018.101.461.554

(b) Phải trả người bán là các bên liên quan

	30/6/2023 VND	1/1/2023 VND
Các công ty con		
▪ Công ty Cổ phần Thủy sản Minh Phú Hậu Giang	2.105.963.163.363	1.909.330.148.517
▪ Công ty TNHH Chế biến Thủy sản Minh Quý	12.880.235.640	8.920.235.640
▪ Công ty TNHH MTV Chuỗi cung ứng Thủy sản Minh Phú	3.333.023.791	1.875.829.774
▪ Công ty TNHH Xã hội Chuỗi Tôm rừng Minh Phú	2.644.028.045	466.651.096
▪ Công ty TNHH Thủy hải sản Minh Phú – Kiên Giang	1.881.927.769	663.163.400
▪ Công ty TNHH Chế biến Thủy sản Minh Phát	1.850.000.000	3.320.000.000
▪ Công ty TNHH Xuất khẩu Thủy sản Minh Phú	1.781.648.059	810.755.284
▪ Công ty TNHH Sản xuất giống Thủy sản Minh Phú	63.196.408	10.725.804
▪ Công ty TNHH Thực phẩm Xanh Minh Phú	6.235.000	-

Khoản phải trả thương mại cho các công ty con không có đảm bảo, không chịu lãi và phải trả khi có yêu cầu.

Không có khoản phải trả người bán nào tại ngày 30 tháng 6 năm 2023 và ngày 1 tháng 1 năm 2023 bị quá hạn.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

17. Thuế phải nộp/phải thu Nhà nước

(a) Thuế phải nộp Nhà nước

	1/1/2023 VND	Số phát sinh VND	Số đã nộp VND	Phân loại lại VND	Số đã cân trừ VND	30/6/2023 VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp	22.438.845.407	-	(22.644.517.037)	205.671.630	-	-
Thuế thu nhập cá nhân	13.956.864.540	4.437.329.594	(17.481.622.292)	-	-	912.571.842
Thuế giá trị gia tăng	-	18.048.467.540	-	-	(18.048.467.540)	-
Thuế nhà thầu nước ngoài	-	3.373.339.241	(3.373.339.241)	-	-	-
	36.395.709.947	25.859.136.375	(43.499.478.570)	205.671.630	(18.048.467.540)	912.571.842

(b) Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ

	1/1/2023 VND	Số phát sinh VND	Số được hoàn lại VND	Số đã cân trừ VND	30/6/2023 VND
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	18.636.917.130	42.198.698.004	(22.005.996.186)	(18.048.467.540)	20.781.151.408



Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(c) Thuế phải thu Nhà nước

	1/1/2023 VND	Phân loại lại VND	30/6/2023 VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	205.671.630	205.671.630
Thuế nhập khẩu	761.228.693	-	761.228.693
Các loại thuế khác	566.029.500	-	566.029.500
	1.327.258.193	205.671.630	1.532.929.823

18. Phải trả ngắn hạn khác

	30/6/2023 VND	1/1/2023 VND
Tạm ứng đã nhận từ các công ty con	146.457.511.519	168.821.081.866
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn	9.464.835.783	2.471.426.183
Phải trả khác cho nhân viên	8.940.000.000	3.955.000.000
Cổ tức phải trả	2.597.993.719	2.597.993.719
Phải trả khác	622.557.155	530.807.155
	168.082.898.176	178.376.308.923

Không có khoản phải trả ngắn hạn khác nào tại ngày 30 tháng 6 năm 2023 và ngày 1 tháng 1 năm 2023 bị quá hạn.

Phải thu ngắn hạn khác từ các bên liên quan

	30/6/2023 VND	1/1/2023 VND
Các công ty con		
▪ Công ty TNHH Chế biến Thủy sản Minh Quý	129.930.735.613	152.294.305.960
▪ Công ty TNHH Chế biến Thủy sản Minh Phát	16.526.775.906	16.526.775.906

Các khoản phải trả ngắn hạn khác cho các công ty con không có đảm bảo, không chịu lãi và phải trả khi có yêu cầu.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

19. Vay ngắn hạn

	Biến động trong kỳ				
	1/1/2023 VND	Tăng VND	Giảm VND	Đánh giá lại VND	30/6/2023 VND
Vay ngắn hạn	2.084.473.204.785	2.535.807.976.174	(2.857.116.806.199)	1.823.809.338	1.764.988.184.098
Số có khả năng trả nợ	2.084.473.204.785				1.764.988.184.098

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay ngắn hạn hiện còn số dư như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm		1/1/2023 VND	
		2023	2022		
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam – Chi nhánh Cà Mau	USD	4,0%	1,6% - 4,2%	645.126.539.316	
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Cà Mau	USD	4,0%	1,6% - 4,2%	734.126.214.800	
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam – Chi nhánh Cà Mau	VND	-	7,0% - 8,0%	321.044.645.872	
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam – Chi nhánh Cà Mau	VND	-	3,9%	193.911.401.197	
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Cà Mau	USD	-	1,6% - 4,0%	190.264.403.600	
				<u>1.764.988.184.098</u>	<u>2.084.473.204.785</u>

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Các khoản vay ngân hàng được bảo đảm bằng các tài sản của Công ty như sau:

- Tiền gửi có kỳ hạn (Thuyết minh 4)
- Phải thu ngắn hạn của khách hàng (Thuyết minh 6)
- Hàng tồn kho (Thuyết minh 10)
- Tài sản cố định hữu hình (Thuyết minh 11)
- Tài sản cố định vô hình (Thuyết minh 12)

20. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ này được trích lập từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối theo quyết định của các cổ đông tại cuộc họp cổ đông của Công ty. Quỹ được dùng để chi trả tiền thưởng và phúc lợi cho nhân viên của Công ty theo chính sách khen thưởng và phúc lợi của Công ty. Biến động quỹ khen thưởng, phúc lợi trong kỳ như sau:

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2023 VND	30/6/2022 VND
Số dư đầu kỳ	50.791.852.620	50.402.664.571
Trích lập trong kỳ	-	9.245.060.623
Tăng khác	22.500.000	18.000.000
Sử dụng quỹ trong kỳ	(8.393.382.738)	(8.687.571.349)
Số dư cuối kỳ	42.420.969.882	50.978.153.845

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

21. Thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Cổ phiếu quỹ VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2022	2.000.000.000.000	2.297.421.887.777	(1.628.235.339)	77.252.801.080	997.134.186.433	5.370.180.639.951
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	313.313.016.558	313.313.016.558
Mua lại cổ phiếu	-	670.121.020	(992.021.020)	-	-	(321.900.000)
Giảm cổ phiếu	(563.500.000)	(2.056.756.359)	2.620.256.359	-	-	-
Cổ tức	-	-	-	-	(459.870.395.000)	(459.870.395.000)
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	7.822.743.604	(7.822.743.604)	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 20)	-	-	-	-	(9.245.060.623)	(9.245.060.623)
Sử dụng quỹ	-	-	-	(16.049.767.234)	-	(16.049.767.234)
Số dư tại ngày 30 tháng 6 năm 2022	1.999.436.500.000	2.296.035.252.438	-	69.025.777.450	833.509.003.764	5.198.006.533.652
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2023	3.998.873.000.000	292.399.641.421	-	57.363.079.045	1.281.491.010.112	5.630.126.730.578
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	20.473.120.081	20.473.120.081
Sử dụng quỹ	-	-	-	(17.971.338.728)	-	(17.971.338.728)
Số dư tại ngày 30 tháng 6 năm 2023	3.998.873.000.000	292.399.641.421	-	39.391.740.317	1.301.964.130.193	5.632.628.511.931



Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

22. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty như sau:

	30/6/2023		1/1/2023	
	Số lượng cổ phiếu	VND	Số lượng cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành				
Cổ phiếu phổ thông	399.887.300	3.998.873.000.000	399.887.300	3.998.873.000.000
Số cổ phiếu đang lưu hành				
Cổ phiếu phổ thông	399.887.300	3.998.873.000.000	399.887.300	3.998.873.000.000

Tất cả các cổ phiếu phổ thông có mệnh giá 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty.

23. Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối theo nghị quyết của Đại Hội đồng Cổ đông. Quỹ này được thành lập nhằm mục đích mở rộng kinh doanh trong tương lai.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

24. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

(a) Cam kết thuê

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	30/6/2023	1/1/2023
	VND	VND
Trong vòng một năm	10.896.850.560	19.296.850.560
Trong vòng hai đến năm năm	8.947.047.840	9.987.402.240
Sau năm năm	-	208.070.880
	19.843.898.400	29.492.323.680

(b) Ngoại tệ các loại

	30/6/2023		1/1/2023	
	Nguyên tệ	Tương đương VND	Nguyên tệ	Tương đương VND
USD	170.298	4.005.409.430	180.731	4.265.252.308
JPY	458.903.081	77.095.717.608	342.925.549	59.326.119.977
CAD	1.283	22.111.238	1.302	22.429.513
EUR	38.656	989.583.872	231.913	5.705.057.340
AUD	157	2.500.688	189	3.110.628
		82.115.322.836		69.321.969.766

(c) Hợp đồng mua bán ngoại tệ

Tại ngày báo cáo, theo các hợp đồng mua bán ngoại tệ, Công ty có các cam kết bán JPY được ghi nhận là một khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán như sau:

	30/6/2023	1/1/2023
	VND	VND
Cam kết hợp đồng bán JPY	14.242.580.000	107.117.500.000
	14.242.580.000	107.117.500.000

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(d) Cam kết chi tiêu vốn

Tại ngày báo cáo, Công ty có các cam kết vốn sau đã được duyệt nhưng chưa được phản ánh trong bảng cân đối kế toán:

	30/6/2023 VND	1/1/2023 VND
Đã được duyệt và đã ký kết hợp đồng	21.847.850.363	95.031.614.283

25. Doanh thu bán hàng

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng đã bán không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Doanh thu thuần bao gồm:

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2023 VND	30/6/2022 VND
Tổng doanh thu		
▪ Thành phẩm đã bán	2.431.725.609.717	3.975.722.619.062
▪ Nguyên vật liệu và hàng hóa đã bán	275.459.568.323	867.126.589.842
▪ Phế liệu đã bán	4.951.183.931	7.291.859.301
	2.712.136.361.971	4.850.141.068.205
Trừ các khoản giảm trừ doanh thu		
▪ Hàng bán bị trả lại	61.983.701.537	14.399.587.296
Doanh thu thuần	2.650.152.660.434	4.835.741.480.909

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

26. Giá vốn hàng bán

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2023	30/6/2022
	VND	VND
Thành phẩm đã bán	2.112.699.379.018	3.373.750.909.005
Nguyên vật liệu và hàng hóa đã bán	265.223.290.040	809.465.439.616
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	1.029.388.168	8.804.778.664
	<u>2.378.952.057.226</u>	<u>4.192.021.127.285</u>

27. Doanh thu hoạt động tài chính

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2023	30/6/2022
	VND	VND
Cổ tức	155.908.498.605	196.538.460.000
Thu nhập lãi tiền gửi	2.897.880.988	5.693.124.600
Cổ tức từ chứng khoán kinh doanh	147.302.400	81.842.000
Lãi chênh lệch tỷ giá do thanh toán	22.813.101.571	9.952.147.444
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại	274.949.357	-
	<u>182.041.732.921</u>	<u>212.265.574.044</u>

28. Chi phí tài chính

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2023	30/6/2022
	VND	VND
Chi phí lãi vay	32.987.740.345	13.720.190.596
Dự phòng giảm giá đầu tư vào các công ty con	209.874.710.504	110.150.163.746
Lỗ chênh lệch tỷ giá do thanh toán	17.824.328.839	44.506.006.372
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại	19.523.826	7.654.762.870
Chi phí tài chính khác	10.895.031	294.008.420
	<u>260.717.198.545</u>	<u>176.325.132.004</u>

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

29. Chi phí bán hàng

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2023	30/6/2022
	VND	VND
Chi phí thuê kho	45.506.893.980	34.856.002.125
Chi phí vận chuyển	36.617.730.148	198.051.833.622
Chi phí hoa hồng	13.547.838.147	14.295.557.004
Chi phí nhân viên	9.170.375.732	9.699.366.169
Chi phí bán hàng khác	21.611.324.243	23.466.360.526
	126.454.162.250	280.369.119.446

30. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2023	30/6/2022
	VND	VND
Chi phí nhân viên	26.219.474.329	26.788.750.749
Dụng cụ văn phòng	6.557.164.607	7.303.534.059
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.334.217.327	5.951.963.002
Chi phí khấu hao và phân bổ	4.758.177.127	4.606.319.378
Phí ngân hàng	607.624.872	701.601.105
Dự phòng phải thu khó đòi	-	32.603.396.990
Chi phí quản lý khác	2.284.326.902	2.810.509.997
	45.760.985.164	80.766.075.280

31. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2023	30/6/2022
	VND	VND
Chi phí nguyên vật liệu và hàng hóa	2.226.033.060.343	4.533.011.539.292
Chi phí nhân công và nhân viên	361.025.167.130	464.606.463.084
Chi phí dịch vụ mua ngoài	142.804.580.852	325.657.731.594
Dự phòng phải thu khó đòi	-	32.603.396.990
Chi phí khấu hao và phân bổ	19.642.811.661	16.597.484.079
Chi phí khác	38.159.733.266	36.501.869.124

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

32. Thuế thu nhập doanh nghiệp

(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2023 VND	30/6/2022 VND
Chi phí thuế thu nhập hiện hành		
Kỳ hiện hành	-	9.794.316.068
Chi phí/(lợi ích) thuế thu nhập hoãn lại		
Phát sinh và hoàn nhập các khoản chênh lệch tạm thời	757.026.277	(3.930.704.476)
	757.026.277	5.863.611.592

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2023 VND	30/6/2022 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	21.230.146.358	319.176.628.150
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	2.123.014.636	31.917.662.815
Ảnh hưởng của mức thuế suất khác áp dụng đối với thu nhập từ hoạt động thương mại và thu nhập khác	(1.347.397.495)	(6.716.053.268)
Chi phí không được khấu trừ thuế	438.523.660	324.032.245
Thu nhập không bị tính thuế	(15.605.580.101)	(19.662.030.200)
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận	15.148.465.577	-
	757.026.277	5.863.611.592

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(c) Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận đối với các khoản mục sau:

	30/06/2023		1/1/2023	
	Chênh lệch tạm thời VND	Giá trị thuế VND	Chênh lệch tạm thời VND	Giá trị thuế VND
Lỗi tính thuế	138.010.680.824	15.148.465.577	-	-

Lỗi tính thuế hết hiệu lực vào các năm sau:

Năm hết hiệu lực	Tình hình quyết toán	Số lỗi được khấu trừ VND
2028	Chưa quyết toán	138.010.680.824

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận đối với lỗi tính thuế bởi vì không có sự chắc chắn rằng sẽ có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để Công ty có thể sử dụng các lợi ích thuế của các khoản mục đó.

(d) Thuế suất áp dụng

Theo các điều khoản của Luật Thuế Thu nhập doanh nghiệp hiện hành, Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập doanh nghiệp là 10% trên lợi nhuận tính thuế đối với hoạt động chế biến và sản xuất các sản phẩm thủy sản và 20% cho hoạt động thương mại và các hoạt động khác.



Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

33. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Ngoài số dư với các bên liên quan được trình bày trong các thuyết minh khác của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, trong kỳ, Công ty có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2023	30/6/2022
	VND	VND
Các công ty con		
Công ty TNHH Chế biến Thủy sản Minh Quý		
Bán thành phẩm	88.150.599.452	104.532.795.148
Chi phí thuê nhà xưởng	3.600.000.000	3.600.000.000
Cổ tức	12.239.067.665	-
Công ty TNHH Chế biến Thủy sản Minh Phát		
Bán thành phẩm	-	26.543.092.745
Chi phí thuê nhà xưởng	4.800.000.000	4.800.000.000
Góp vốn	9.400.000.000	85.100.000.000
Cổ tức	9.996.354.940	-
Công ty Cổ phần Thủy Sản Minh Phú Hậu Giang		
Mua nguyên vật liệu	6.076.729.570	337.994.885
Mua thành phẩm	264.797.797.289	809.603.135.041
Mua dịch vụ	503.873.249	104.899.104
Bán nguyên vật liệu	438.277.316	2.246.674.674
Bán thành phẩm	359.002.121.998	749.124.733.627
Hàng bán bị trả lại	30.328.068.223	-
Góp vốn	-	196.538.460.000
Chi phí kiểm nghiệm	-	54.000.000
Cổ tức	117.923.076.000	196.538.460.000
Chuyển nhượng khoản đầu tư	2.000.000.000	-
Công ty TNHH Thủy Hải sản Minh Phú – Kiên Giang		
Mua nguyên vật liệu	9.464.020.524	235.525.901.173
Thanh lý tài sản cố định	1.200.000.000	-
Góp vốn	74.573.770.000	94.600.000.000
Công ty TNHH Sản xuất Giống Thủy sản Minh Phú		
Góp vốn	23.350.000.000	24.852.100.000
Mua thành phẩm	-	117.004.000
Mua dịch vụ	312.676.370	798.759.295

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2023	30/6/2022
	VND	VND
Công ty TNHH Nuôi trồng Thủy sản Minh Phú – Lộc An		
Mua nguyên vật liệu	63.051.495.680	276.856.153.282
Góp vốn	-	263.500.000.000
Cho vay	62.000.000.000	-
Thu nhập lãi cho vay	1.924.060.273	236.712.329
Mseafood Corporation		
Bán thành phẩm	469.637.664.229	611.429.987.214
Công ty TNHH MTV Chuỗi Cung ứng Thủy sản Minh Phú		
Mua dịch vụ	9.149.940.040	14.629.766.645
Mua nguyên vật liệu	18.535.495.305	7.412.046.025
Chuyển nhượng khoản đầu tư	1.500.000.000	-
Ebisumo Logistic Co., Ltd.		
Bán thành phẩm	95.181.830.051	168.767.660.633
Cổ tức	3.500.000.000	-
Góp vốn	3.500.000.000	-
Công ty TNHH Thực phẩm xanh Minh Phú		
Bán thành phẩm	27.947.028.000	20.568.668.240
Mua dịch vụ	-	67.296.727
Góp vốn	-	23.473.296.712
Công ty TNHH Xã hội Chuỗi Tôm Rừng Minh Phú		
Mua nguyên vật liệu	89.424.995.961	91.986.788.516
Mua dịch vụ	6.061.669.336	2.871.455.183
Góp vốn	1.500.000.000	-
Công ty TNHH Nông nghiệp Công nghệ cao Minh Phú		
Góp vốn	15.200.000.000	62.500.000.000
Mua tài sản cố định	831.595.988	-
Công ty TNHH Xuất khẩu Thủy sản Minh Phú		
Mua dịch vụ	6.111.239.470	6.388.242.149
Công ty TNHH Sản xuất Chế phẩm Sinh học Minh Phú		
Góp vốn	2.832.000.000	808.000.000
Công ty TNHH Thức ăn Tôm Xanh Minh Phú		
Cổ tức	12.250.000.000	-
Công ty liên kết gián tiếp		
Công ty Cổ phần Mekong Logistics		
Mua dịch vụ	33.152.704.060	22.583.595.414

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2023	30/6/2022
	VND	VND
Các bên liên quan khác		
Công ty Cổ phần Đầu tư Long Phụng		
Thuê văn phòng	1.907.223.000	1.935.724.200
Các cổ đông chính		
MPM Investments Pte. Ltd.		
Chia cổ tức	-	161.460.000.000
Bà Chu Thị Bình		
Chia cổ tức	-	80.754.909.000
Ông Lê Văn Quang		
Chia cổ tức	-	73.923.840.000

Các giao dịch với nhân sự chủ chốt

Tổng lương, thưởng và trợ cấp trả cho các nhân sự chủ chốt trong kỳ như sau:

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2023	30/6/2022
	VND	VND
Hội đồng Quản trị		
Bà Chu Thị Bình	75.000.000	75.000.000
Ông Lê Văn Quang	75.000.000	75.000.000
Ông Lê Văn Điệp	75.000.000	75.000.000
Ông Bùi Anh Dũng	75.000.000	75.000.000
Ông Phan Thanh Lộc	150.000.000	150.000.000
Bà Hồ Thu Lê	150.000.000	150.000.000
Ông Nguyễn Nhân Nghĩa	150.000.000	150.000.000
Ông Nagoya Yutaka	-	144.230.769
Ông Tsukahara Keiichi	-	144.230.769
Ông Sasaki Takahiro	150.000.000	5.769.231
Ông Hamaya Harutoshi	150.000.000	5.769.231

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2023	30/6/2022
	VND	VND
Ban Giám đốc		
Ông Lê Văn Quang	490.947.913	555.580.564
Bà Chu Thị Bình	572.811.890	576.049.352
Ông Lê Văn Điệp	1.635.686.632	1.811.081.127
Ông Bùi Anh Dũng	11.700.000	11.700.000
Ông Thái Hoàng Hùng	437.844.631	498.095.004
Bà Lê Thị Dju Minh	416.786.064	508.965.879
Ông Suzuki Yoshiaki	-	90.566.000
Ông Tsunoda Norihisa	415.800.000	184.800.000
Ông Trần Văn Thái	438.570.000	110.888.369
Ban Kiểm soát		
Ông Trần Văn Khánh	198.578.711	199.474.897
Bà Nguyễn Thị Hồng Cúc	147.946.857	151.381.684
Bà Đỗ Thị Hạnh	146.184.755	157.695.894

34. Các giao dịch phi tiền tệ từ hoạt động đầu tư và hoạt động tài chính

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2023	30/6/2022
	VND	VND
Cần trừ cổ tức phải thu từ các công ty con với các khoản phải trả thương mại	20.950.209.206	13.935.116.246
Chuyển khoản phải thu thương mại từ công ty con thành vốn góp	3.320.000.000	23.473.296.712
Chuyển khoản cổ tức từ công ty con thành vốn góp	5.000.000.000	196.538.460.000
Chuyển khoản phải thu về cho vay từ công ty con thành vốn góp	-	192.000.000.000
Mua tài sản cố định nhưng chưa thanh toán	6.185.454.545	459.454.545
Cổ tức đã được công bố nhưng chưa chi trả	-	459.870.395.000

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

35. Tính thời vụ của hoạt động kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chế biến và nuôi trồng thủy sản của Công ty phụ thuộc vào biến động theo mùa do điều kiện thời tiết và thói quen của người tiêu dùng. Đặc biệt, việc nuôi trồng thủy sản ở các khu vực địa lý trọng yếu bị ảnh hưởng tiêu cực do thời tiết nắng nóng và dịch bệnh, thường kéo dài từ tháng 1 đến tháng 5. Công ty đã nỗ lực để giảm thiểu những tác động mang tính thời vụ này bằng cách quản lý hàng tồn kho để duy trì mức đáp ứng trong kỳ. Doanh thu và lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh của Công ty trong nửa đầu năm thường thấp hơn do nhu cầu tiêu thụ sản phẩm của khách hàng trong nửa đầu năm thường thấp hơn so với cuối năm khi có nhiều lễ hội lớn trên thế giới.

36. Các thay đổi trong ước tính kế toán

Không có thay đổi trọng yếu nào trong ước tính kế toán khi lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này so với ước tính kế toán được sử dụng khi lập báo cáo tài chính riêng năm gần nhất.

37. Thông tin so sánh

Thông tin so sánh của bảng cân đối kế toán riêng được mang sang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022.

Thông tin so sánh của báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng được mang sang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022.

Ngày 15 tháng 8 năm 2023

Người lập



Lê Quang Huy
Kế toán tổng hợp

Người duyệt



The stamp contains the following text: S.Đ.K.K. 000393273 - C.T.C.P., CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN THỦY SẢN MINH PHÚ, TP. CÀ MAU - T. CÀ MAU.

Lưu Minh Trung
Kế toán trưởng

Lê Văn Điệp
Phó Tổng Giám đốc

THƯ GIẢI TRÌNH

(V/v biến động lợi nhuận riêng công ty mẹ 6 tháng năm 2023 so với cùng kỳ)

KÍNH GỬI: - ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC
- SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI

- Căn cứ vào chương III, điều 14, khoản 4(a,b) thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2010 của Bộ Tài Chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Nay, Tập đoàn thủy sản Minh Phú (Mã CK : MPC) giải trình chênh lệch lợi nhuận trên báo cáo tài chính riêng công ty mẹ 6 tháng năm 2023 so với cùng kỳ năm trước như sau :

- Do doanh thu bán hàng trong kỳ giảm.

- Do Công ty mẹ trích lập dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty con

Trên đây là những nguyên nhân chủ yếu trên dẫn đến lợi nhuận sau thuế trên báo cáo tài chính riêng của công ty mẹ giảm trên 10% so cùng kỳ năm trước./.

Trân trọng kính chào .

Nơi nhận :

- Như trên
- Lưu VT



LÊ VĂN ĐIỆP

TẬP ĐOÀN THỦY SẢN MINH PHÚ
KCN P8, TP. CÀ MAU, TỈNH CÀ MAU
ĐT: 0290.3839.391 Fax: 0290.3833.119
Số: 01/2023/UQBCTC-MPC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc

Cà Mau, ngày 10 tháng 01 năm 2023

GIẤY ỦY QUYỀN

Căn cứ khả năng, quyền hạn của người đại diện theo pháp luật, nay:

TÔI : LÊ VĂN QUANG

Sinh ngày: 28/10/1958

CCCD số: 022058000698, Ngày cấp 21/12/2021, Do Cục trưởng Cục Cảnh Sát QLHC và TTXH cấp
Địa chỉ thường trú: 82, Đường số 2, Cư xá Đô Thành, P4, Q3, TP.HCM

Chức vụ: Tổng Giám đốc, và là người đại diện theo pháp luật của của **Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú** (GPKD số 2000393273 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Cà Mau cấp thay đổi lần thứ 11 ngày 01/11/2022).

Nay tôi đồng ý ủy quyền cho:

Ông: LÊ VĂN ĐIỆP

CCCD số: 096072015834, Ngày cấp 28/06/2021 Nơi cấp: Cục Trưởng Cục CSQLHC về TTXH

Địa chỉ thường trú: 212 Nguyễn Đình Chiểu, Phường 8, TP. Cà Mau

Chức vụ: Phó Tổng Giám đốc Công Ty Tập Đoàn Thủy Sản Minh Phú kiêm Tổng Giám đốc Nhà Máy MPCM và MPHG

Thay tôi thực hiện các công việc trong phạm vi như sau:

+ Ký các hồ sơ, sổ sách chứng kế toán nhà máy MPCM và MPHG

+ Ký các báo cáo tài chính riêng của công ty mẹ, báo cáo tài chính hợp nhất quý, báo cáo tài chính kiểm toán soát xét giữa niên độ, Báo cáo tài chính kiểm toán năm của Công Ty Tập Đoàn Thủy Sản Minh Phú.

Người được ủy quyền có nghĩa vụ phải thực hiện các công việc được ủy quyền trên theo đúng: (i) Điều lệ Công ty cũng như các quy định của pháp luật có liên quan. (ii) Chịu trách nhiệm trước HĐQT, Ban Tổng giám đốc Công Ty và pháp luật về công việc được ủy quyền nêu trên ./.

Giấy ủy quyền này có hiệu lực kể từ ngày ký đến hết ngày 10/01/2026.



LÊ VĂN QUANG

NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN

LÊ VĂN ĐIỆP